

PHỤ LỤC 01

BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 31/5/2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số - ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư									
								Tổng số	Trong đó: Phần vốn ngân sách nhà nước								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13-14+15	17	18
	TỔNG (A+B)							141.513	70.517	71.027	29.573	29.260	6.446	6.943	29.757		
A	Ngân sách địa phương							138.977	68.804	68.124	28.313	28.000	6.446	6.490	28.044		
I	Thu sử dụng đất							138.297	68.124	68.124	27.680	28.000	6.446	6.446	28.000		
I.1	Thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; Quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết							28.817	18.374	18.374	5.726	4.807	298	-	4.509		
1	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	7863990	280-332	2018-2023	1548/30.11.2017 58/20.01.2020 1372/23.12.2021	10.504	4.467	4.467	451	803	18		785	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
2	Lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm (giai đoạn 2022-2025) huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	8124961	280-332	2021-2025	1561/13.10.2021 2322/29.9.2023 1490a/12.7.2024	1.936	1.936	1.936	1.167	249	4		245	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
3	Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các tổ chức, cá nhân tại 04 xã, thị trấn: Pắc Ta, Thôn Thuộc, Trung Đồng và thị trấn Tân Uyên của huyện Tân Uyên	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	8125691	280-332	2024-2026	2311/05.11.2024	5.976	3.590	3.590	200	1.695			1.695	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
4	Lập Quy chế quản lý Kiến trúc đô thị thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	TT. Tân Uyên, xã Trung Đồng, xã Phúc Khoa, xã Thôn Thuộc	PGD số 9, KBNN KV IX	8089624	280-338	2024-2025	387/19.3.2024	800	800	800	100	700	276		424	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Dự án đã QT DAHT
5	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035	TT. Tân Uyên, xã Trung Đồng, xã Pắc Ta, xã Thôn Thuộc	PGD số 9, KBNN KV IX	8089625	280-338	2024-2025	78/19.01.2024	5.037	3.020	3.020	300	1.360			1.360	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
I.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng							109.480	49.750	49.750	21.954	23.193	6.148	6.446	23.491		
*	Dự án đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023							46.500	14.857	14.857	12.724	1.753	1.417	-	336		
1	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	7899957	220-221	2021-2023	43/22.01.2021 2806/15.11.2023	18.500	4.497	4.497	3.002	1.495	1.409		86	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án hoàn thành
2	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa, xã Mường Khoa	PGD số 9, KBNN KV IX	7944363	280-309	2022-2023	2120/06.12.2021	8.000	2.500	2.500	2.100	258	8		250	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án đã QT DAHT
*	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024							31.180	14.974	14.974	6.720	8.254	2.803	-	5.451		
3	Trường Tiểu học xã Trung Đồng - điểm trung tâm	Xã Trung Đồng	PGD số 9, KBNN KV IX	7941936	070-072	2022-2024	2121/06.12.2021 336/30.3.2023 2651/18.11.2024	9.000	2.236	2.236	800	1.436	1.066		370	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	
4	Trường MN xã Phúc Khoa - Điểm trung tâm	Xã Phúc Khoa	PGD số 9, KBNN KV IX	8022942	070-071	2023-2024	204/28.02.2023	8.500	2.750	2.750	800	1.950	1.703		247	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khối công đến hết 31/5/2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số - ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
								Tổng số	Trong đó: Phần vốn ngân sách nhà nước								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13-14+15	17	18
5	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang thị trấn Tân Uyên	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	8022945	280-309	2023-2024	206/28.02.2023 1168/19.6.2024	2.000	1.416	1.416	970	446	8		438	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án đã QT DAHT
6	Mở rộng nhà xe khu Trung tâm hành chính huyện Tân Uyên	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	8043920	280-309	2023-2024	201/28.02.2023 1552/26.7.2024	3.680	3.330	3.330	1.610	1.720			1.720	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án đã QT DAHT
7	Xây dựng tuyến phố văn minh thị trấn Tân Uyên	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	8043919	280-312	2023-2024	1526/28.7.2023	3.000	1.742	1.742	1.460	282			282	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án đã QT DAHT
8	Các hạng mục phụ trợ Khu văn hóa thể thao huyện Tân Uyên	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	8022946	220-221	2023-2024	1528/28.7.2023	5.000	3.500	3.500	1.080	2.420	26		2.394	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án đã QT DAHT
*	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2025							31.800	19.919	19.919	2.510	6.221	1.928	2.400	6.693		
9	Sân vận động xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Phúc Khoa	PGD số 9, KBNN KV IX	8003116	220-221	2022-2025	778/24.6.2022 3678/21.12.2023 3130/31.12.2024	4.000	3.500	3.500	-	1.375	1.375		-	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án dừng thực hiện
10	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Pắc Ta, Hồ Mít	Xã Pắc Ta, xã Hồ Mít	PGD số 9, KBNN KV IX	8022943	280-311	2023-2025	207/28.02.2023 1015/30.5.2024 2057/02.10.2024	14.500	11.545	11.545	1.910	3.271			3.271	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	
11	Nâng cấp đường vào Đồn Pém bản Phiêng Tâm xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	PGD số 9, KBNN KV IX	8022944	280-309	2023-2025	202/28.02.2023	2.500	1.925	1.925	600	1.325	535		790	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án hoàn thành
12	Phát triển đường giao thông nội đồng vùng chè cô thụ huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	PGD số 9, KBNN KV IX	8072201	280-309	2024-2025	2809/17.11.2023	1.500	250	250	-	250	18		232	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án hoàn thành
13	Trường MN xã Nậm Sò - Điểm trung tâm xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	PGD số 9, KBNN KV IX	8112157	070-071	2024-2026	2080/07.10.2024	6.800,0	2.240,0	2.240,0	-	-		2.240,0	2.240,0	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	
14	Nâng cấp, sửa chữa CNSH xã Tà Mít	Xã Tà Mít	PGD số 9, KBNN KV IX	8113586	280-311	2024-2025	1967/27.9.2024	2.500	459	459	-	-		160	160	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án đã QT DAHT
*	Còn lại chưa phân bổ											6.965		4.046	11.011		
II	Nguồn cân đối ngân sách huyện chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025							680	680	-	633	-	-	44	44		
1	Lâm phòng thờ Chủ tịch HCM tại trung tâm hội nghị VH huyện	TT. Tân Uyên	PGD số 9, KBNN KV IX	7432755	160-161	2013	2454/24.10.2013	680	680		633	-		44	44	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	Dự án đã QT DAHT
B	Ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia							2.536	1.713	2.903	1.260	1.260	-	453	1.713		
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới							2.536	1.713	2.903	1.260	1.260	-	453	1.713		
*	Các dự án chuyển tiếp							2.536	1.713	2.903	1.260	1.260	-	453	1.713		
1	Đường giao thông nội đồng bản Hua Puông, xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	PGD số 9, KBNN KV IX	8117833	280-309	2025	279/14.11.2024; 107/28.4.2025	500	374	622	252	252		122	374	UBND xã Nậm Cắn	
2	Đường giao thông nội bản Tà Mít, xã Tà Mít	Xã Tà Mít	PGD số 9, KBNN KV IX	8117433	280-309	2025	57/14.11.2024; 29/05.5.2025	510	293	541	252	252		41	293	UBND xã Tà Mít	
3	Đường sản xuất vùng chè bản Nậm Bon, xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	PGD số 9, KBNN KV IX	8117830	280-309	2025	170/15.11.2024; 52/25.4.2025	500	402	650	252	252		150	402	UBND xã Phúc Khoa	
4	Đường giao thông nội đồng bản Pắc Ta, xã Pắc Ta	Xã Pắc Ta	PGD số 9, KBNN KV IX	8117565	280-309	2025	323/11.11.2024; 340/06.5.2025	500	386	634	252	252		134	386	UBND xã Pắc Ta	
5	Sửa chữa thủy lợi bản Khâu Giềng, xã Hồ Mít	Xã Hồ Mít	PGD số 9, KBNN KV IX	8117829	280-283	2025	444/12.11.2024; 162/24.4.2025	526	258	456	252	252		6	258	UBND xã Hồ Mít	